

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VÀ CHƯ VỊ Ở HUẾ

NGUYỄN HỮU THÔNG^(*)

I. NGUỒN GỐC THỜ PHỤNG THẦN NỮ THIÊN Y ANA Ở MIỀN TRUNG

Trong quá trình Nam tiến, việc tiếp thu hai châu Ô và Rý của người Việt diễn ra không giống với những vùng đất đã có trước và sau nó. Món sính lễ và cũng chính là vùng đất này được trao tặng trong một giai đoạn mà mối quan hệ giữa hai vương quốc Đại Việt - Chăm pa hữu nghị, mặn nồng sau thắng lợi chung trước quân xâm lược Nguyên - Mông cách đó không lâu. Chính vì vậy, cư dân Chăm vẫn yên vị và tiếp tục sinh sống ở vùng Trị Thiên khá đông⁽¹⁾. Sự cộng cư phổ biến giữa người Việt và Chăm đã tạo nên mối giao lưu văn hóa khá mạnh mẽ, mà những dấu ấn liên quan đến nhiều lĩnh vực như ngôn ngữ, âm nhạc, phong tục, nghệ thuật, tín ngưỡng... là một minh chứng⁽²⁾.

Tiếp nhận vùng đất mới Thuận Hoá vào những năm đầu thế kỉ XIV, hiển nhiên người Việt đã phải chứng kiến hàng loạt những di tích văn hóa - tín ngưỡng thật xa lạ; những dấu tích trên một vùng đất trước đó nằm trong vùng ảnh hưởng của Ấn Độ giáo (Hindouisme) để sau này trở thành những tháp lồi, miếu lồi, thành lồi, tượng lồi, rú cấm... trong lòng người Việt; và ấn tượng này vẫn duy trì mãi cho đến hiện đại.

Người Việt kị huỷ và "kính nhi viễn chi" với bất cứ dấu tích nào có liên quan đến chữ Hồi, Lôi, Chiêm, Chàm... Tuy nhiên, đặc biệt trong hệ thống các đền tháp thờ phụng nữ thần Poh Inur Nugar lại được người Việt

tiếp thu và tiếp tục chiêm bái như mình đã từng và vốn có hình tượng ấy trong lòng. Và có lẽ hệ thống các vị thần tối thượng trong sinh hoạt của người Chăm, Poh Inur Nugar với hình ảnh Bà Mẹ xứ sở là sản phẩm bản địa tiêu biểu nhất tồn tại bên cạnh Brahma, Siva và Visnu hay các thần nữ Uma, Laskmi, Sarasvati... trong tín ngưỡng Ấn Độ. Tuy nhiên, việc người Việt tiếp thu hình tượng Poh Inur Nugar để sau đó Việt hoá thành Thiên Y Ana phải là một quá trình. Cộng cư bên cạnh người Chăm, đó là sự giao lưu với luồng văn hóa "sống" chứ không phải thông qua những di tích hoang vắng, đã khiến cho người Việt có điều kiện tiếp thu và chọn lọc những điều phù hợp với mình. Những gì tồn tại trên nền tảng Ấn Độ giáo thường không được chấp nhận, bởi vì người Việt đã xây dựng cho mình nếp nghĩ, hệ tư duy thiên về ảnh hưởng tam giáo Trung Hoa; riêng Poh Inur Nugar với những kì tích được truyền tụng từ người Chăm lắng giềng, là vị nữ thần đã dạy dân trồng lúa, dệt vải, cứu giúp mọi người khi gặp điều khốn khó, điều hòa mưa nắng, hộ quốc - an dân; ý nghĩa cũng như thiên chức ấy, sớm gây ấn tượng và dễ đi vào lòng của những

*. ThS, Phân Viện Nghiên cứu Văn hóa - Nghệ thuật Miền Trung tại Thành phố Huế.

1. Nguyễn Hữu Thông. *Huế - Nghệ và làng nghề thủ công truyền thống*. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, tr. 13-16.

2. Các phương ngữ mô, tê, ni, rúa; các danh xưng ôn, mẹ, mẹ...; những điệu ca Nam trong nhạc Huế, sự thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y Ana...

lớp người cùng tồn tại trên loại hình nông nghiệp trồng lúa, từ lâu đã có cuộc sống định cư nhưng cũng thường gặp bất trắc, đe dọa từ phía thiên nhiên. Gặp nhau trên nền ước vọng chung và người nông dân Việt Nam, kẻ sinh tồn bằng nghề trồng trọt đã nhanh chóng cộng hưởng, kế thừa và tiếp tục thờ phụng bà theo cách của mình.

Trải qua các triều đại Trần, Hồ, Lê trong lịch sử Việt, vị trí của Thiên Y Ana (Poh Inur Nugar đã được Việt hóa) ngày càng được củng cố theo dòng Nam tiến của người Việt. Và cho đến thời Nguyễn, Thiên Y Ana đã được tín mộ đặc biệt không chỉ trong quần chúng mà còn lan tận đến cả giới quý tộc, vua, quan.

Từ việc Mẫu Thiên Y Ana được các chúa Nguyễn phong tặng sắc thân, sự thờ phụng bà ngày càng phổ biến ở xứ Đàng Trong. Vua Gia Long tiếp nối phong sắc ban cho các làng thờ phụng Thiên Y Ana như một vị Thượng đẳng thần (Thiên Y Ana diễn phi Chúa Ngọc - Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần).

Điều đặc biệt ghi nhận là từ triều Đồng Khánh, trước tấn bi kịch của triều chính và sự bảo hộ thao túng của thực dân Pháp, nhà vua đã gần như giữ trọn phần linh hồn cho Mẫu; chẳng khác một thái độ nguy tín để tìm sự bình an cho chính mình: "Ta vốn là người cõi Tiên, là con thứ ở Long Cung, ngày Thượng nguyên đã kính dâng mệnh, thân ngời xe ngọc, đầu đội mũ vàng, đầu thai vào Bùi Quý Phi của Kiên Thái Vương để sinh ra đời"⁽³⁾. Cũng chính từ sự kiện này, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế ngày càng có điều kiện đóng vai trò to lớn, làm tiền đề cho việc hình thành trung tâm thờ Mẫu của cả Miền Nam sau khi đất nước bị chia cắt (1945).

Mặc dù sự xuất hiện của Thánh Mẫu Liễu Hạnh (1434 - 1473) muộn hơn thời điểm tiếp thu hình tượng Thiên Y Ana hơn một thế kỉ, nhưng, tín đồ của Mẫu vẫn giải thích: *Thiên* là chữ gọi tắt của huyện Thiên Bản; *Tiên* là tên gọi tắt của làng Tiên Hương

hay An Thái tức thôn Vân Cát nơi mà Liễu Hạnh công chúa giáng trần lần thứ hai; hai từ *Thánh giáo* thể hiện nguyện vọng của tín đồ muốn được thừa nhận tín ngưỡng này như một tôn giáo chính thống và không bị phân biệt đối xử. Thật ra, tên gọi này là một tên chữ ra đời vào những năm 60 của thế kỉ XX; xu hướng chung là muốn tìm về hình tượng của Mẫu thuần Việt. Do vậy, mới có quan niệm dù Mẫu nào (Liễu Hạnh, Thiên Y Ana, Bà Đen) họ đều là con của Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Rõ ràng tên gọi Thiên Tiên Thánh giáo có một lịch sử ngắn ngủi, cũng như không phải đã thực sự phổ biến trong sinh hoạt của tín đồ và không được sự thừa nhận rộng rãi từ các thành phần khác.

II. NÉT RIÊNG - CHUNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VÀ CHƯ VỊ Ở HUẾ

1. Từ thần tích Poh Inur Nugar đến Thiên Y Ana

Trong quan niệm của tín đồ thờ Mẫu ở Huế, trên toàn cõi đất Việt có ba vị nữ thần cai quản: Miền Bắc là Liễu Hạnh công chúa (Vân Cát thần nữ), Miền Trung là Thánh Mẫu Thiên Y Ana và Miền Nam là Bà Đen (Muk Juk)⁽⁴⁾. Họ là ba chị em gái, con của Ngọc Hoàng Thượng Đế, được vua cha chia vùng cai quản và họ có nhiệm vụ bảo vệ, phò trợ cho dân ở ba miền.

Vùng ảnh hưởng của ba vị nữ thần trên thực tế đã được xác nhận qua hoạt động tín ngưỡng và thờ cúng của những người theo đạo này. Trong đó, vị nữ thần được thờ phụng chính của tín đồ thờ Mẫu Miền

3. Bút tích ghi ở chân dung vua Đồng Khánh, đang được thờ ở điện Ngưng Hy (Lăng Đồng Khánh).

4. Trên thực tế Bà Đen và Liễu Hạnh Công chúa không được thờ phụng chính thức hoặc không đóng vai trò trung tâm trong các điện thờ Mẫu ở Huế. Ngoài trừ một số đền thờ Mẫu Liễu Hạnh một cách chính thống được du nhập khá muộn như đền Phổ Hoà ở đường Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, phần lớn Mẫu Liễu chỉ là thần vị được gá lắp sau này.

Trung, hay nói đúng hơn là trên lãnh thổ của vương quốc Chăm-pa cũ là Thiên Y Ana.

Sự tích của Thiên Y Ana được lưu truyền qua câu chuyện kể dân gian cũng như qua các tài liệu văn bản, bi kí... đại thể có cốt lõi chung phổ biến trên địa bàn Trung và Nam Trung Bộ. Tuy nhiên, tùy theo từng vùng cũng như trong truyền thuyết của dân tộc Chăm và Việt đã có những dị biệt đáng kể.

Điều mà chúng ta có thể nhận ra dễ dàng là sự tích thần nữ Thiên Y Ana trong truyền thuyết của người Việt với Poh Inur Nugar, Bà Mẹ xứ sở của vương quốc Chăm là những dị bản của một dạng hình truyền thuyết.

Ở dân tộc Chăm vị thần nữ của xứ sở được tôn vinh: *"Ngày xưa, Poh Nagar (Poh Inur Nugar) do những áng mây trời và bọt biển mà hoá thân... Ngài là vị thần tạo lập ra quả đất, sinh ra gỗ quý, cây cối và lúa gạo. Vì ở trên Thiên đình, Thượng Đế rất chuộng mùi thơm của lúa và trầm nên một ngày kia, trong khi làm lễ tế Trời, Thánh Mẫu tung lên không trung một hạt lúa có cánh trắng như làn mây..."*⁽⁵⁾. Điểm lại trong truyền thuyết và chuyện kể, sự tích bà Poh Inur Nugar được thể hiện dưới nhiều dạng văn bản, nhiều thể loại và thời điểm khác nhau. Trong chuyện kể dân gian Chăm ở vùng Ninh Thuận, nữ thần có tên là Poh Yang Inur Nugar Taha⁽⁶⁾. Bà có 97 chồng, 38 cô con gái; Thần sinh ra lúa gạo, phù hộ cho nông dân được mùa.

Trong các dạng chuyện kể tương tự về nữ thần Poh Inur Nugar của người Chăm, chúng ta còn gặp những bài cúng, bài tụng trong khi các tín đồ tổ chức lễ tắm tượng cho nữ thần: *"Ngày xưa thần Poh Inur Nagar sinh ra đất, gỗ trầm, lúa gạo, gỗ Kỳ Nam từ Yang Inur Nugar mà phát hương thơm ra."*

Không gian bao quanh Thần từ Yang Inur Nugar nức hương thơm dịu dàng của lúa gạo.

Cây Bồ Đề thiêng liêng từ Yang Inur Nugar mà sinh ra.

Kẻ nào đang sửa soạn tằm trâu và gửi mùi hương của nạm lúa gạo thì hãy dâng lên Thần một lễ phẩm trái cây.

Ôi! Nữ Thần, xin ngài nhận lễ này.

Xin ngài chấp nhận lời cầu xin của chủ nhà"⁽⁷⁾.

Khi Hồi giáo (Islam) bắt đầu xâm nhập và phổ biến trong dân gian Chăm⁽⁸⁾ với chiếc áo khoác của tín ngưỡng địa phương để trở thành đạo Bà Ni độc đáo của người Chăm vùng nam Trung Bộ⁽⁹⁾, tín đồ Bà Ni đã lưu truyền nhiều tài liệu dưới dạng kinh tụng bên cạnh kinh Coran⁽¹⁰⁾. Đó là những văn bản cổ có liên quan đến nữ thần Poh Nagar⁽¹¹⁾. Xuất phát từ ý niệm về Bà Mẹ xứ sở trong truyền thuyết, nội dung kinh sách của người theo đạo Bà Ni đều truyền tụng câu chuyện Thánh nữ Poh Nagar là con gái đầu của ông Cú, giáng trần để lập ra nước Chăm-pa, nước Việt, Trung Quốc, Lào... có nghĩa quyền lực của bà bao trùm trên một vùng rộng lớn hơn nhiều, so với quan niệm trước đó.

5. Thái Văn Kiểm. *Sự tích Đức Thiên Y Ana*. Tạp chí Văn hóa nguyệt san, số 7, Sài Gòn, 1965.

6. Tài liệu của Cabaton sưu tầm và hiệu đính. Trích theo Văn Đình Hy, trong: *Những vấn đề Dân tộc học ở Miền nam Việt Nam*, tập II, Ban Dân tộc học, Viện KHXH Thành phố Hồ Chí Minh, 1978, tr. 155-156.

7. Cabaton. Sđd, tr. 157.

8. Sự xuất hiện chính thức của đạo Islam trong xã hội Chăm-pa được xác định từ thế kỉ X trở về sau.

9. Bà Ni là một biến tướng của đạo Islam, mang đậm màu sắc dân gian. Họ thờ đa thần và không còn được xem là thành viên của Hiệp hội Hồi giáo chính thống trên thế giới nữa.

10. Người Bà Ni cũng có kinh Coran, họ gọi là kinh Co-kran và được viết bằng văn tự Chăm cổ (trái với quy định của Hồi giáo chính thống), hiện nay người đọc được văn bản này không còn nhiều.

11. - Sách *Thượng cổ sử* (Chăm Bà Ni gọi là Xa Karai LiTop hay Xa Karai Ekit).

- *Biên niên sử Poh Nagar hay sự tích cái cân* (Xa Karai Pa đông).

- Sách *Sáng thế kí* (Nô Xin Văn).

- *Sám thi hoặc Sử thi* (Poch cha Tuoi Mơnbolai).

Khác với kinh Bà Ni, thần tích Poh Inur Nugar (Poh Nagar) lưu truyền trong dân gian xoay quanh chuyện: Có một đôi vợ chồng người tiểu phu không con, một hôm lên rừng gặp cô bé xinh đẹp, lạc lõng bơ vơ giữa miền hoang dã. Hai ông bà vui mừng đem cô bé về nuôi. Một bữa nọ, cô vào rừng, bắt gặp khúc Kỳ Nam và trở về báo cho bố mẹ nuôi biết đây là dấu hiệu của thần Poh Yang Inur tin cho cô phải đi lấy chồng ở phương Bắc. Cô ra đi, kết duyên với hoàng tử xứ Bắc Hải, có với chàng một đứa con gái. Sau đó, hai mẹ con nàng trở về với cha mẹ nuôi để báo hiếu.

Khi hai vợ chồng người tiểu phu mất, mẹ con bà Poh Inur Nugar đều hoá thành thần.

Như chúng ta đã biết, thần nữ mà người Việt xưng danh là Thiên Y Ana cũng có một truyền thuyết lưu hành qua chuyện kể, văn bản, bi kí, kinh sách... rất gần với sự tích bà Poh Inur Nugar trong chuyện kể của người Chăm.

Chuyện kể rằng: Xưa kia tại núi Đại An (tức Đại Điền - nay thuộc tỉnh Khánh Hoà, gần Cù Lao Huân), có hai vợ chồng người tiểu phu, dựng nhà và khai hoang trên sườn núi để trồng dưa. Mỗi năm, đến mùa dưa chín thường hay bị mất. Một hôm, lão tiểu phu bắt gặp một thiếu nữ trạc chừng mười chín, đôi mươi rất xinh đẹp, đang ăn dưa và đùa giỡn dưới trăng. Thấy cô gái dễ thương, ông bà nhận làm con và đem về nuôi. Họ vốn không con nên rất mực thương yêu nàng.

Một hôm, trời mưa lụt lớn, cảnh vật tiêu điều buồn bã, thiếu nữ lấy đá chất thành hòn giả sơn và lấy hoa lá cắm vào. Nàng đứng ngắm và lấy làm thích thú. Lão tiểu phu cho rằng hành vi của con không hợp với khuê tắc nên nặng tiếng la rầy. Nhưng ông đâu ngờ, đó là một tiên nữ giáng trần đang nhớ cảnh bồng lai nước nhược. Ngay lúc đó, chợt thấy một khúc gỗ Kỳ Nam đang trôi theo con nước lũ, tiên nữ liền biến hình

nhập vào khúc gỗ quý, mặc cho sóng nước trôi dạt.

Khúc Kỳ Nam trôi ra biển và tấp vào đất Trung Quốc, mùi hương toả thơm ngào ngạt. Nhân dân địa phương lấy làm lạ, rủ nhau đến xem. Thấy gỗ tốt, họ muốn khiêng về, nhưng bao nhiêu người cũng không nhấc nổi.

Lúc bấy giờ, Thái tử Bắc Hải nghe tin bèn đến xem hư thực. Thấy khúc gỗ không lớn lắm, Thái tử lấy tay nhấc thử và lạ thay, khúc gỗ nhẹ hẫng. Chàng đem về cung, nâng niu như một báu vật.

Một đêm trăng, từ khúc Kỳ Nam, hương toả ngào ngạt và thấp thoáng bóng thiếu nữ hiện ra, Thái tử đến gần thì giai nhân tan biến. Một hôm, vừa lúc giữa đêm, thấy người đẹp hiện lên từ khúc Kỳ Nam, Thái tử vụt chạy đến ôm choàng lấy nàng. Giai nhân đành nhận lời làm vợ Thái tử, nàng tự xưng là Thiên Y Ana.

Vợ chồng ăn ở với nhau tương đắc, sinh hạ được hai con, trai tên Trí, gái tên Quý, dung mạo khôi ngô hiên thực. Một hôm, chạnh nhớ cố hương và cha mẹ nuôi, nàng cùng hai con nhập vào khúc Kỳ Nam, tìm về làng cũ ở núi Đại An. Vợ chồng lão tiểu phu đó đã qua đời; Thiên Y Ana bèn xây đắp mồ mả và sửa sang nhà cửa để phụng thờ.

Thấy đời sống nhân dân còn lạc hậu, bà dạy dân cách làm ăn, trồng trọt, dệt vải... Đời sống mọi người từ khi có bà ngày càng trở nên no ấm, hạnh phúc.

Vào đúng ngày lành, tháng tốt, có con chim hạc từ trên mây bay xuống, bà cùng hai con cỡi hạc bay về cõi tiên.

Nhân dân địa phương tưởng nhớ ơn đức bà, xây tháp, tạc tượng phụng thờ.

Ở Bắc Hải, Thái tử ngày đêm trông chờ không thấy vợ con trở về, bèn sai một đạo quân đóng thuyền sang Đại An kiếm bà. Khi đến nơi, người Bắc Hải ỷ mạnh, hà hiếp dân chúng địa phương; lại còn không giữ lễ, xúc

phạm tới bà. Dân làng bèn thấp hương van vái cầu xin bà cứu giúp. Liền đó, sóng to, đá bay làm đắm thuyền quân Bắc Hải⁽¹²⁾.

Diễn trình và không gian lưu hành của truyền thuyết về nữ thần Poh Inur Nugar đã là một minh chứng sống động về quá trình thâm nhập và giao lưu văn hóa Việt - Chăm. Từ vị nữ thần Bhagavati⁽¹³⁾ của Ấn Độ giáo, người Chăm đã xây dựng nên hình tượng Poh Inur Nugar lưu truyền rộng rãi trong cương vực của vương quốc mình. Khi Hồi giáo xâm nhập, nữ thần Poh Inur Nugar đã được người Bà Ni xếp vào một trong những vị thần tối thượng của họ, bên cạnh Poh Âu Loá (đọc chệch từ tên Thánh Allah ở đạo Islam) sáng tạo thế giới và đạo Bà Ni.

Trong quá trình co dân về phương Nam, cư dân Chăm đã để lại nhiều di tích thờ nữ thần Poh Nagar, trong đó, quan trọng nhất là Tháp Bà ở vùng Kauthara (Nha Trang). Người Việt, khi tiếp thu vùng đất mới từ người Chăm đã không để nó hoang tàn như những ngôi tháp thờ Siva, Brahma, hay Visnu mà tiếp tục thờ cúng vị nữ thần này.

Dĩ nhiên, bà Poh Nagar đã không còn hiện hữu một cách nguyên vẹn, mà đã được khoác lên chiếc áo văn hóa mới với cái tên là Thiên Y Ana.

Suy cho cùng, nữ thần Poh Inur Nugar trong truyền thuyết người Chăm đã phản ánh cách tư duy thần thoại của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước trong nền văn minh trồng trọt Đông Nam Á - vị nữ thần đầy quyền năng, hình ảnh của Bà Mẹ xứ sở có công dạy cho dân làm ruộng và tạo ra mọi giống lúa. Cho dù dân tộc Chăm, nền văn hóa Chăm đã có những ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ từ sớm, nhưng hình tượng Poh Inur Nugar (hay Poh Nagar) vẫn là một sáng tạo đầy tính dân tộc. Không mấy ai trong họ còn nhớ đến mối liên hệ (nếu có) với các vị thần trong hệ thống thờ tự của Ấn Độ giáo.

Cùng trong một loại hình kinh tế - văn hóa của cư dân nông nghiệp lúa nước, hình tượng nữ thần Poh Nagar đã được người

Việt tiếp thu một cách nhanh chóng và hoàn toàn không có tính gượng ép. Dĩ nhiên, trên nền tư duy bản địa vốn chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc từ lâu đời, việc người Việt tiếp tục thờ phụng một "Bà Mẹ Lúa" qua quá trình giao lưu văn hóa hẳn không thể tránh khỏi màu sắc của Đạo giáo và Khổng giáo.

Tên gọi Thiên Y Ana khiến người ta liên tưởng đến một tổ hợp từ ghép có nguồn gốc khác nhau. Theo ông Tạ Trọng Hiệp và Nguyễn Thế Anh, "Thiên" trong Thiên Y Ana là một từ Hán - Việt có nghĩa là Trời (☐×). Kết hợp với tiếng Chăm Ina hay Ana trong tiếng Êđê (đều có gốc ngữ hệ Malayo - Polynésie) có nghĩa là "Mẹ". Như vậy

12. Sự tích bà Thiên Y Ana phổ biến trong dân chúng và tín đồ thờ Mẫu ở Miền Trung dưới rất nhiều dạng từ truyền thuyết, thần tích, kinh sách đến chuyện kể, truyện thơ, văn cúng, bùa ki... chẳng hạn như:

- Văn bia của Phan Thanh Giản tại Tháp Bà (Poh Nagar) Nha Trang viết từ năm 1856.

- *Chuyện kể về tích cây Kỳ Nam*.

- *Sự tích Hòn Chông Nha Trang*.

- Thiên Y Ana (Quách Tấn. *Xứ trầm hương*, Saigon, Nxb Lá Bối, 1970).

- Thiên Y Thánh Mẫu (Hoàng Trọng Miên. *Việt Nam Văn học toàn thư*, Sài Gòn, Nxb Tiếng Phương Đông, 1973).

- *Cổ tháp linh tích (Việt Nam khảo cổ tập san*, số 3, Sài Gòn, 1962).

- *Thiên Y Thánh tích* (Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Thừa Thiên, 1970).

- A Sallet: *La Légende de Thiên Y Ana: La Princesse' de Jade*, Extrême Asia, 1926.

- H. Parmentier. *Le Sanctuaire de Poh Nagar Nha Trang*, Bulletin de L' Ecole Française d'Extrême - Orient, 1902.

- Trần Văn Toàn. *La Saint religion de L' Immortelle Céleste dans la région de Hue (Centre Viet Nam)*, REVUE DU SUD - EAST ASIATIQUE, 1967.

- Đào Thái Hạnh. *Historie de la déesse Thiên Y Ana*; B.A.V.H, 1919.

13. Một dạng của biểu tượng thần Siva - một trong ba vị thần lớn của Ấn Độ giáo (Hindouisme). Trong nội dung của các bi kí ở Tháp Bà, Mỹ Sơn, Đồng Dương... thờ nữ thần Maha Drecvara thực sự nhường ngôi cho Poh Inur Nagar trong đền thờ của tầng lớp phong kiến với tên gọi là Bhagavati Kauthrecvari.

Thiên Y Ana là Mẹ Trời (Thiên Mẫu)¹⁴.

Tín ngưỡng thờ Mẫu, do đặc thù của lịch sử thông qua hình tượng Thiên Y Ana (vị nữ thần được xây dựng từ sự tiếp biến nhiều lớp văn hóa Ấn Độ, Chăm pa rồi đến Việt như chúng ta thấy ngày nay), biểu lộ tính kế thừa, giao lưu văn hóa của một vùng đất vừa bình thường vừa không bình thường trong lịch sử của hai dân tộc Việt - Chăm.

2. Việc thờ phụng chư vị trong tín ngưỡng thờ Mẫu

Trên nền xuất phát của tín ngưỡng thờ Mẹ vốn có nguồn gốc từ lâu đời, vấn đề thờ Mẫu và chư vị ở Huế không nằm ngoài tục lệ truyền thống dân tộc liên quan đến hiện tượng thờ các nữ thần. Tuy nhiên, từ hệ quả trong quá trình Nam tiến của người Việt, cũng như hiện tượng giao lưu văn hóa tất yếu trong quá trình ấy, việc thờ Mẫu ở Huế đã có những biến đổi khá sâu sắc, biểu hiện một sắc thái vừa mang tính kế thừa vừa có tính chất đặc thù của một vùng đất.

Có thể nói, quá trình biểu hiện tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị được phát triển theo hai giai đoạn:

- Sự tôn thờ các vị nữ thần như một sản phẩm tinh thần tất yếu của văn hóa nông nghiệp. Người đàn bà hiện thân được thờ phụng khắp nơi trên đất nước ta; và không chỉ là những hình tượng trong huyền thoại như nữ thần Mặt Trời, Mặt Trăng, nữ thần Đất, nữ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện) mà có khi ở dạng truyền thuyết, anh hùng văn hóa - lịch sử với những kì tích lớn lao có công bảo quốc, an dân như Bà Trưng, Bà Triệu, Dương Văn Nga, Ý Lan...; những vị thần hay người được hiển thân vì có công dạy cho dân nghề nghiệp để tồn tại mưu sinh như Mẹ Lúa, Mẹ Mía, Chúa Bông, Công chúa Thiều Hoa, Ngọc Hoa, Chúa Tầm...

Xét trên góc độ văn hóa, vị trí của người phụ nữ đối với đời sống cư dân nông thôn rất được coi trọng.

- Từ những nét truyền thống ấy, cùng sự du nhập tam giáo Trung Quốc, trong đó có Đạo giáo, môi trường tín ngưỡng dân gian đa thần ở đây như là mảnh đất tốt để Đạo giáo nhanh chóng phát triển. Từ đấy, tín ngưỡng thờ Mẹ vốn có, cùng hội nhập vào luồng ảnh hưởng ấy để hình thành một hệ thống thờ phụng chư vị theo trật tự chịu nhiều ảnh hưởng tôn giáo này.

Phần lớn các Đạo quán ở Việt Nam đều thờ Nguyên Thủy Thiên Tôn (Ngọc Hoàng Thượng Đế); Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử); Huyền Thiên Thượng Đế (chòm sao Bắc Đẩu); Văn Xương Đế Quân (Chòm sao Văn Xương); Thái Ất Từ Tôn, Quan Thánh Đế Quân, Tam Giới Thánh Mẫu.

Từ hệ thống thần vị nêu trên, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam nói chung và ở Huế nói riêng đã tiếp thu đơn giản hơn bằng cách chỉ sử dụng hình tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Quan Thánh Đế Quân và Tam Giới Thánh Mẫu như những biểu tượng của trực thân linh; và xoay quanh là một tập hợp làm nên thế giới đa thần hiển ứng trên nhiều lĩnh vực cụ thể của đời sống con người.

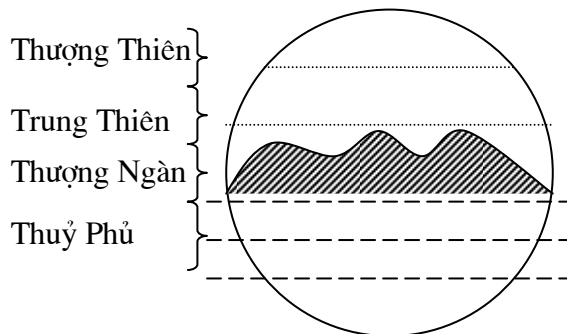
Và không chỉ có thế, các phương thuật cầu đảo của Đạo giáo như lên đồng, bùa chú, nước phép; các phương tiện nặng chất phù thủy... chính là điểm đã làm nên hình ảnh của nghi lễ thờ Mẫu hiện nay.

Bên cạnh đó, nhìn vào mặt bằng thờ tự, chúng ta có thể nhận ra phẩm trật và vị trí của các thần linh - chư vị đã được sắp xếp theo trật tự của một triều đình phong kiến ảnh hưởng của Nho giáo với Tam cung, Lục viện, Cửu trùng đài "Tiên thánh thần thuộc bốn cõi liên kết nhau chi phối cõi người. Mỗi cõi đều có quyền lực như một triều đình: có Đại Vương, có Thánh Mẫu, có chư tiên, có các hoàng tử, công chúa, có khâm sai, giám sát, các vị châu quân, châu cô (triều quân, triều cô), có quan văn võ, ngũ

14. Có một lối giải thích khác: Y Ana (Inư) trong Thiên Y Ana là cách phát âm của từ Ino có nghĩa là Mẹ trong tiếng Chăm.

lôi linh quân, ngũ hổ đại tướng và âm binh bộ hạ"⁽¹⁵⁾. Thế nhưng, con đường đi đến với thế giới thần linh và chư vị lại được "lót" bằng những lời khẩn vái và những dòng niệm Nam Mô A Di Đà Phật trong khói hương nghi ngút. Tất cả đã biểu hiện tính hỗn dung văn hóa khá rõ nét. Sự ảnh hưởng đa tuyến này đã khiến cho thờ Mẫu ngày một phức tạp hơn cả trong hình tượng thần linh, nghi lễ thờ cúng, lẫn trong quan niệm, đức tin... từ đó tín ngưỡng thờ Mẹ vốn có ngày càng xa dần với nguyên bản.

Sở dĩ tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế còn gọi là đạo Tứ phủ bởi trên trục dọc của không gian có bốn cõi theo quan niệm của tín đồ đó là: Thượng Thiên, Trung Thiên, Thượng Ngàn và Thủy Phủ. Cấu tạo thế giới trong quan niệm của tín đồ thờ Mẫu có thể hình dung như sau:



Mỗi cõi như vậy đều có tập hợp những vị thần, đảm đương, hộ trì, nâng đỡ hay trừng phạt con người theo cách của mình và trên từng lĩnh vực cụ thể của cuộc sống nhân sinh. Nói đến tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, điện Hòn Chén hay Huệ Nam điện có một vị trí rất quan trọng. Nơi đây đã trở thành trung tâm hành hương, chiêm bái và là nơi để tổ chức những nghi thức sinh hoạt tế lễ (giỗ Mẹ, giỗ Cha) của tín đồ thờ Mẫu ở Huế và cũng là nơi quy tụ đệ tử của Mẫu trên địa bàn Trung Bộ, Nam Bộ và gần đây còn thu hút đệ tử cả ở địa bàn Bắc Bộ nữa.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT

- Chúng ta thật khó có thể thống kê một cách đầy đủ số lượng am, điện cũng như tín

đồ thờ Mẫu hiện nay ở Huế. Do nhiều nguyên nhân khiến những hoạt động có tính chất bề nổi hay sự thừa nhận chính mình là đệ tử của Mẫu rất hạn chế. Với các hoạt động bài trừ mê tín dị đoan của các cấp chính quyền, các buổi hầu đồng trong am, điện của "phổ" hoặc tư nhân đều tiến hành kín đáo và ngán ngùi. Sự gán bó thường xuyên của họ với các cơ sở thờ cúng cũng giảm đi; số lượng các buổi hầu đồng trong năm không còn nhiều và thường xuyên như trước nữa. Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng ta có thể coi đây là dấu hiệu của sự giảm thiểu tín đồ hay hoạt động của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế đang trong chiều hướng suy giảm. Thay vì trước đây họ tổ chức những hoạt động đồng bóng có tính chất tập trung tại một số am điện lớn thì ngày nay, họ lạng lẽ và phân tán tại những am điện nhỏ thuộc phạm vi liên gia hay từng gia đình.

-Thánh Mẫu Thiên Y Ana ở Huế hay Miền Trung Trung Bộ không chỉ là vị thần tối thượng của riêng tín đồ "Thiên Tiên Thánh giáo" mà từ khi được triều đình phong kiến Nhà Nguyễn thừa nhận và cùng với sự hiện diện của Bà trong đức tin của một số quần chúng qua những truyền thuyết về sự linh ứng, Thiên Y Ana có mặt trong các vị thần của làng, được người nông dân thờ phụng với tên gọi "Thiên Y Ana Diển Phi Chúa Ngọc". Điều ấy không có nghĩa là phải có những buổi hầu đồng múa bóng, hay có sinh hoạt nghi lễ đặc biệt cho riêng Bà. Càng về sau, nhất là từ khi hoạt động thờ Mẫu được khuyến khích mở rộng dưới triều Đồng Khánh; các tầng lớp quan lại, quý tộc thượng lưu thời bấy giờ mới thực sự tham gia sôi nổi vào việc xây dựng am điện thờ. Những ức chế trong quần chúng về những điều cấm kỵ của Nhà Nguyễn trước năm 1886 đối với các hoạt động phù thủy, bùa chú trừ tà, chữa bệnh bằng phương pháp mê tín như dùng tàn nhang nước thải ... cho

15. Trần Đại Vinh. *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 126.

bệnh nhân, lại được dịp giải toả.

- Môi trường của tín ngưỡng thờ Mẫu dung nạp nhiều đối tượng. Trong lúc phân lớn người nông dân đều lấy việc thờ cúng tổ tiên làm trọng thì khi đến với Mẫu, họ không mang mặc cảm trái phạm với những gì vốn có. Ngay cả với những gia đình thờ Phật, họ cũng cảm thấy an ổn khi đến với am điện đồng bóng (Phật giáo dân gian chẳng hề biết đến tam quy trong đó "tự quy y tăng, không quy y ngoại đạo, tà giáo"), bởi lẽ, họ có thể niệm Phật Thích Ca, A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát... một cách tự nhiên như hệ thống Phật và Bồ Tát là những vị thần vốn có, thấp thoáng đâu đó bên cạnh các Mẫu và các vị Đức Ông, Đức Bà, Các Cô, Các Cậu được thờ.

- Tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh và Đức Thánh Trần càng về sau càng có xu hướng phát triển trên vùng đất này. Tam vị Thánh Mẫu Vân Hương (Liễu Hạnh, Quế Hoa và Thụy Hoa) có mặt khá muộn trong các án thờ ở Điện Huệ Nam (thời Đồng Khánh); các am điện thờ Mẫu Liễu Hạnh như Phổ Hoà cung, Phổ Tế cung, Vân Phụng điện, Diệu Vân điện... đều lần lượt có mặt ở Huế từ triều Khải Định đến nay. Cho đến khi tổ chức Tổng hội Thiên Tiên Thánh giáo Trung nguyên Trung phần được thành lập ở Huế (1965), người ta đã thừa nhận Mẫu Liễu Hạnh ở một ngôi vị ngang với Thiên Y Ana cả trong quan niệm lẫn đức tin của mình.

- Ngoại trừ Ngọc Hoàng Thượng Đế và các Mẫu tối thượng (Thượng đẳng thần), vị trí của chư vị còn lại thông qua cách bài trí và lễ nghi ở tín đồ trên thực tế không còn tính chặt chẽ và thống nhất. Các Cô, Các Cậu đều là những từ phiếm xưng, không ngừng được bổ sung số lượng, chọn lọc và cụ thể hoá bằng những hình bóng gần gũi với mình. Thậm chí ở ngôi vị cao hơn là Thánh, song vua Đồng Khánh vẫn tự ví mình với ngôi vị ấy và nghiêm nhiên kết bạn với Lục Thánh trước đó để trở thành Thất Thánh mà Đồng Khánh là vị Thánh thứ bảy.

- Khác với chùa Phật, với mật độ khá dày và số lượng tín đồ không nhỏ ở Huế, am điện đồng bóng là nơi mà kẻ tín mộ không chỉ bày tỏ ước vọng an lạc mà còn có thể cầu hoành tài, phú quý... Ngôi vào giá đồng (chủ yếu là tầng lớp bình dân) con người tìm được những phút giây thăng hoa để trở thành ông Hoàng, bà Chúa với quyền năng và sự trọng vọng của mọi người. Hóa thân trong những vũ điệu mạnh mẽ, khoáng đạt; thân xác phàm tục này chỉ là cái giá đỡ, ta không còn là ta, ngôn ngữ sử dụng lúc này là giọng điệu của bề trên, tất cả những bận rộn của đời thường tạm quên đi trong phút chốc theo tiếng tán tụng của cung văn, như là một phương thức giải toả mọi ức chế của cuộc sống, vốn đề nặng lên những thân phận luôn phải chịu sự thiệt thòi về mình, nhất là người phụ nữ./.